TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 91/2019/HNGĐ- ST
Ngày 14/8/2019
V/v: Ly hôn giữa anh T với chị M.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoan
2. Ông Nguyễn Tiến Chỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương Giang- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 132/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019 về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Dương Quang T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Chị Đào Nữ Trà M, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Dương Quang T trình bày: Anh kết hôn với chị Đào Nữ Trà M có được tự nguyện tìm hiểu, anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Lục Nam năm 2010. Sau đám cưới chị M về nhà anh làm dâu ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 10 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Anh và chị M sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế từ cuối năm 2013. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M.

Về con chung: Anh và chị M chưa có con chung nên anh không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Đào Nữ Trà M, nhưng chị M không cung cấp lời khai cũng như bất kỳ tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tại phiên tòa, chị Đào Nữ Trà M vẫn vắng mặt.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho anh T được ly hôn chị chị M. Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Dương Quang T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Đào Nữ Trà M vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Quang T kết hôn với chị Đào Nữ Trà My trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam ngày 15/11/2010 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2013 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh T và chị M sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống T nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Xét mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị M đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh T ly hôn chị M.

[3]. Về con chung: Không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Anh Dương Quang T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Dương Quang T được ly hôn với chị Đào Nữ Trà M.

2. Về án phí: Anh Dương Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003836 ngày 08 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND cùng cấp;*
- *VKSND tỉnh;*
- *Chi cục THADS cùng cấp;*
- *Ủy ban nhân xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân